

Số: *07* /2019/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *17* tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 286/TTr-STC ngày 27/5/2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC) là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình.

2. Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính và văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình.

**Điều 3. Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Danh mục tài sản cố định đặc thù**

1. Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này*).

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

2. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC (*Chi tiết tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này*).

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

3. Danh mục tài sản cố định đặc thù (*Chi tiết tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này*).

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC và Quyết định này để thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Chủ động, thường xuyên rà soát, tổng hợp, cập nhật Danh mục tài sản mới (nếu có) và gửi về Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp;

b) Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2019.

## **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *p*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 6;
- Báo Thái Bình;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *MM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Đặng Trọng Thăng*  
**Đặng Trọng Thăng**

## Phụ lục 01

**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN  
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: *07*/2019/QĐ-UBND ngày *17*/7/2019 của UBND tỉnh Thái Bình)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả</b>		
1	Kịch bản các loại	25	4
2	Các quyền tác giả khác	25	4
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
3	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
5	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, tên thương mại	10	10
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
1	Quyền đối với giống cây lúa	5	20
2	Quyền đối với giống cây khác	5	20
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</b>	5	20

Phụ lục 02

**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN  
TẠI SẢN CỐ ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh Thái Bình)

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	THỜI GIAN SỬ DỤNG (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Phương tiện vận tải (ngoài xe ô tô)</b>		
	- Xe mô tô, xe gắn máy	10	10
	- Phương tiện vận tải khác	10	10
<b>Loại 2</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		
<b>1</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng (Bao gồm máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng cùng loại với máy móc thiết bị văn phòng phổ biến)</b>		
	- Máy vi tính để bàn	5	20
	- Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	5	20
	- Máy in	5	20
	- Máy fax	5	20
	- Tủ đựng tài liệu	5	20
	- Máy scan	5	20
	- Máy hủy tài liệu	5	20
	- Máy photocopy	8	12,5
	- Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	8	12,5
	- Bộ bàn ghế họp	8	12,5
	- Bộ bàn ghế tiếp khách	8	12,5
	- Máy điều hòa không khí	8	12,5
	- Quạt	5	20
	- Máy sưởi	5	20
	- Máy móc, thiết bị văn phòng khác	5	20
<b>2</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (không cùng loại với máy móc thiết bị văn phòng phổ biến)</b>		
	- Máy chiếu	5	20
	- Thiết bị lọc nước	5	20
	- Máy hút ẩm, hút bụi	5	20
	- Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	5	20

	- Máy ghi âm	5	20
	- Máy ảnh	5	20
	- Thiết bị âm thanh	5	20
	- Tổng đài điện thoại, máy bộ đàm	5	20
	- Thiết bị thông tin liên lạc khác	5	20
	- Tủ lạnh, máy làm mát	5	20
	- Máy giặt	5	20
	- Thiết bị mạng, truyền thông	5	20
	- Thiết bị điện văn phòng	5	20
	- Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	5	20
	- Thiết bị truyền dẫn	5	20
	- Camera giám sát	8	12,5
	- Máy bơm nước	8	12,5
	- Két sắt	8	12,5
	- Bàn ghế hội trường	8	12,5
	- Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	8	12,5
	- Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	8	12,5
<b>3</b>	<b>Máy móc, thiết bị chuyên dùng (không cùng loại với máy móc thiết bị văn phòng phổ biến)</b>		
<b>3.1</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục - đào tạo</b>		
	- Thiết bị dạy học, dạy nghề, thí nghiệm (các môn học)	5	20
<b>3.2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học - công nghệ</b>		
	- Bộ quả cân chuẩn	8	12,5
	- Cân kiểm quả chuẩn	8	12,5
	- Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác	8	12,5
<b>3.3</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên - môi trường</b>		
	- Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm	8	12,5
	- Bếp khuấy từ gia nhiệt	8	12,5
	- Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác	8	12,5
<b>3.4</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>		
	- Tài sản, trang thiết bị phẫu thuật, thủ thuật, chẩn đoán hình ảnh	8	12,5
	- Tài sản, trang thiết bị xét nghiệm, thí nghiệm	8	12,5
	- Tài sản, trang thiết bị khác	8	12,5
<b>3.5</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao - Truyền hình</b>		
	- Tài sản thuộc lĩnh vực thể thao	5	20
	- Tài sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn	5	20

	- Tài sản thuộc lĩnh vực chiếu phim	5	20
	- Tài sản thuộc lĩnh vực phát thanh, truyền hình	5	20
<b>3.6</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT</b>		
	- Thiết bị thí nghiệm, kiểm nghiệm giống	5	20
	- Thiết bị kỹ thuật chuyên dùng khác	5	20
<b>3.7</b>	<b>Lĩnh vực Giao thông vận tải</b>		
	- Máy in thẻ giấy phép lái xe	5	20
	- Bộ cân kiểm tra tải trọng xe	5	20
	- Hệ thống Camera và đầu ghi hình	8	12,5
	- Máy móc thiết bị chuyên dùng khác	5	20
<b>4</b>	<b>Máy móc, thiết bị khác</b>	8	12,5
<b>Loại 3</b>	<b>Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm</b>		
1	Các loại súc vật	8	12,5
2	Cây lâu năm	25	4
3	Cây cảnh, thảm cây xanh	8	12,5
<b>Loại 4</b>	<b>Trang thiết bị dễ hỏng, dễ vỡ (thủy tinh, gốm, sành, sứ)</b>	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>8</b>	<b>12,5</b>
<b>Loại 6</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>		
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Phần mềm nội bộ	5	20

Phụ lục 03

**QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Quyết định số: 07/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh Thái Bình)

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG
<b>Loại 1</b>	<b>Hiện vật trưng bày trong bảo tàng</b>	
1	Máy bay Mic 21, số hiệu 5121. Đ.c Phạm Tuấn - AHLLVTND quê xã Quốc Tuấn, Kiến Xương thuộc Sư đoàn 921 - Bộ tư lệnh PKKQ đã từng lái loại máy bay này bắn rơi máy bay B52 của Mỹ đêm 27/12/1972	01
2	Xe tăng 843 - do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận, quê xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, chỉ huy tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh - người cắm cờ trên nóc dinh Độc Lập vào hồi 11h ngày 30/4/1975	01
3	Pháo mặt đất 85 ly - Của đơn vị C2 bộ đội Thái Bình trực chiến tại bờ biển Tiên Hải, bắn cháy 2 trực hạm Mỹ ngày 17/5/1972 và ngày 08/8/1972	01
4	Pháo 105 ly - chiến lợi phẩm của Trung đoàn 48, Sư đoàn 320 cùng Tiểu đoàn 705, trong trận đánh bót Chợ Công, xã Thái Thịnh, Thái Thụy đêm ngày 7 rạng sáng ngày 08/02/1952	01
5	Pháo cao xạ 37 ly - Của hạm đội dân quân gái C4 huyện Tiên Hải, Thái Bình, bảo vệ mục tiêu Công Lân đã bắn rơi 2 máy bay giặc Mỹ vào ngày 31/3/1968 và ngày 12/7/1972	01
6	Pháo 122mm K 31/37 - do Liên Xô chế tạo, đã được bộ đội Quân khu III sử dụng trong chiến đấu bảo vệ vùng biển Quân khu trong kháng chiến chống Mỹ	01
7	Pháo mặt đất 75 ly - của dân quân tự vệ xã Đông Minh, huyện Tiên Hải, phối hợp cùng đơn vị F178 Quân khu tả ngạn bắn cháy 1 trực hạm Mỹ ngày 16/9/1972	01
8	Bệ phóng tên lửa DVINA - do đ/c Phạm Trường Uy - AHLLVTND, quê xã Vũ Lạc, huyện Kiến Xương, Tiểu đoàn trưởng tên lửa thuộc E236 - F367, Bộ tư lệnh PKKQ đã trực tiếp điều khiển và chỉ huy bắn rơi 31 máy bay Mỹ trong đó có 2 pháo đài bay B52 bị bắn rơi ngày 02/4/1972 và ngày 28/8/1972	01
9	Súng thần công	05
10	Xe ô tô của anh hùng Trần Văn Lai, biển số EL-6899	01